

VẤN ĐỀ BẢO HỘ NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA TRƯỜNG HỢP CÁC TAI NẠN MỎ THAN Ở TRUNG QUỐC

Đỗ Trọng Quang*

Nhiều khán giả đài truyền hình trung ương Trung Quốc ngày đầu năm 2003 đã nhìn thấy Phó Thủ tướng Ôn Gia Bảo ngồi ăn bánh bao với công nhân mỏ than ở độ sâu 500m dưới lòng đất, và hối thúc cán bộ quản lý chú ý đến vấn đề an toàn của người lao động. Điều đó chứng tỏ tai nạn ở các mỏ than những năm qua đã trở thành mối bức xúc của Chính phủ, khi thống kê cho biết công nhân mỏ than chỉ chiếm 4% lực lượng lao động công nghiệp nhưng lại chiếm 45% số thương vong về tai nạn khi làm việc. Năm 2001, một quan chức về an toàn lao động thừa nhận số người chết nhiều gấp 11 lần ở Nga, và gấp 15 lần ở Ấn Độ, vì mỏ than tại Trung Quốc là những mỏ nguy hiểm nhất thế giới. Tai nạn thường xuyên xảy ra ở mỏ than đã được báo chí trong và ngoài nước tường thuật rộng rãi tuy chưa đầy đủ.

Trung Quốc có những mỏ than quốc doanh lớn do trung ương kiểm soát, những mỏ địa phương do chính quyền tỉnh hay huyện quản lý, và các mỏ quy mô nhỏ của xã hay thị trấn, mức độ cơ khí hóa rất thấp. Trang bị kỹ thuật lạc hậu của các mỏ được phản ánh ở tỷ lệ thương vong đáng lo ngại hiện nay, có thể so sánh với những thời kỳ trước đây của lịch sử châu Âu. Ngay ở các mỏ quốc doanh lớn, số người chết trong quá trình khai thác một triệu tấn than nhiều gấp rưỡi tại nước Anh những năm 1960 và 1970. Số thương vong ở các mỏ địa phương ngang với tổn thất về người tại Bỉ đầu thế kỷ XX hay ở Anh cuối thế kỷ XIX.

Tỷ lệ thương vong không giống nhau giữa các loại mỏ. Tai nạn ít xảy ra nhất ở các mỏ do trung ương kiểm soát, còn những mỏ địa phương do chính quyền huyện hay tỉnh quản lý thường kém an toàn, các mỏ quy mô nhỏ của xã hay thị trấn có số người chết vì tai nạn lao động nhiều gấp 7 lần hay 8 lần những mỏ quốc doanh lớn. Từ năm 1994, trung bình mỗi năm ở Trung Quốc xảy ra 2 tai nạn lớn ở mỏ than, mỗi lần cướp đi 50 sinh mạng, như thế là Trung Quốc chưa giải quyết được những vấn đề an toàn lao động mà các nước châu Âu đã khắc phục từ lâu.

Các vụ nổ do khí mỏ hay bụi than xảy ra thường xuyên ở Trung Quốc, làm thiệt mạng nhiều người. Các vụ nổ khí từ năm 1991 gây ra khoảng 80% cái chết vì tai nạn, trong khi ở Anh, từ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, tỷ lệ tử vong do nổ khí giảm dần từ 25,4% trong thời gian 1873-1882 xuống 5,3% ở thời kỳ 1923-1932. Hầu hết số thương vong ở Anh do sập lò, mỗi lần chỉ làm thiệt mạng một nhỏ công nhân. Sở dĩ số người chết do nổ khí hay bụi than giảm đi nhiều ở Anh là nhờ đèn an toàn được đưa vào sử dụng, và việc thông gió bằng máy được chú trọng nhiều cách đây trên một thế kỷ ở các mỏ nhiều khí.

Ở Trung Quốc, tỷ lệ tử vong do nổ khí tại các mỏ lớn cao hơn nhiều so với ở châu Âu đầu thế kỷ XX, tỷ lệ đó còn cao hơn nữa ở các mỏ của xã hay thị trấn, nơi công nhân phải làm việc trong điều kiện không cơ khí hóa. Từ năm 1966 đến 1985, nổ khí gây ra 27% số người chết tai nạn ở các mỏ quốc doanh của trung ương, nhưng 70% ở những mỏ của

* PGS. TS., TP. Hà Nội.

xã hay thị trấn; tỷ lệ tử vong do sập lò ở các mỏ quốc doanh trung ương là 34% số người chết tai nạn, và 16% ở các mỏ quy mô nhỏ của xã hay thị trấn.

Từ năm 1949, nhà nước Trung Quốc rất quan tâm đến an toàn ở mỏ than. Những thể chế mới được xây dựng, luật lệ được thông qua khiến tai nạn giảm nhiều, nhưng khẩu hiệu thi đua sản xuất nhanh và nhiều để thực hiện "đại nhảy vọt" trong Cách mạng Văn hóa lại dẫn đến chỗ xao lãng an toàn lao động. Sau cải cách, những luật lệ, chính sách và thể chế cơ bản về an toàn mỏ than được xây dựng lại trong những năm 1980 và được hoàn chỉnh trong những năm 1990, quy định những điều phải thực hiện để bảo đảm an toàn lao động, cụ thể là để ra tiêu chuẩn công nghệ tối thiểu, như phải có ít nhất hai đường thông xuống hầm lò để thông gió giảm bớt các vụ nổ. Về mặt quản lý, các chính sách và luật lệ đó đòi hỏi thành lập cơ quan bảo hộ lao động, quy định vai trò của công đoàn cũng như thủ tục báo cáo và xử lý tai nạn.

Để phát huy hiệu lực các luật lệ, một loạt hình phạt hành chính và hình sự được đề ra. Ngay dù không có tai nạn, các thanh tra mỏ vẫn có thể cảnh báo, phạt tiền, bắt đóng cửa mỏ, hay để nghị nhà chức trách thi hành biện pháp kỷ luật nếu thấy nguy cơ rủi ro xuất hiện. Tháng 11/2001, một số người có trách nhiệm ở một mỏ than tỉnh Sơn Tây đã bị phạt tù từ 3 đến 7 năm.

Tuy nhiên, tỷ lệ tai nạn vẫn cao mặc dầu Chính phủ hết sức cố gắng. Nguyên nhân một phần do 48% mỏ than quốc doanh lớn có nhiều khí và các mỏ ngày càng sâu đã góp phần gây ra những vụ nổ. Thứ hai, tỷ lệ tử vong cao ở mỏ than Trung Quốc liên quan chặt chẽ với chính sách kinh tế của chính phủ, chủ trương phát triển công nghiệp nông thôn, sử dụng lực lượng lao động dự trữ to lớn để sản xuất hàng hóa rẻ có thể

cạnh tranh trên thị trường thế giới. Nhà cầm quyền Mỹ và nhiều nước Tây Âu từng rung chuông báo động về hàng dệt may Trung Quốc tràn ngập đã làm khốn đốn nền sản xuất của họ. Ngay ở nước ta, hàng hóa rẻ của Trung Quốc nhập lậu qua biên giới cũng gây khó khăn cho sự phát triển công nghiệp Việt Nam. Chính sách kinh tế của Trung Quốc khuyến khích nhiều hình thức sản xuất, từ các xí nghiệp quy mô lớn tương đối hiện đại ở các đô thị đến những cơ sở sản xuất nhỏ không cơ khí hóa ở các làng mạc. Những cơ sở nhỏ này thường trả lương thấp và để công nhân làm việc trong các điều kiện tồi tệ, nhưng dù sao, các cơ sở đó cũng tạo cho hàng triệu người lao động nông thôn những khoản thu nhập cao hơn nhiều so với làm nghề nông. Những cơ sở sản xuất manh mún đó góp phần đáng kể vào sự phát triển nhiều vùng thôn quê. Chính sách kinh tế này được phản ánh trong công nghiệp than, khi sản xuất được thúc đẩy ở các mỏ tương đối nhỏ dùng nguồn lao động dồi dào ở nông thôn.

Báo chí Trung Quốc đóng vai trò tương đối lớn khi đưa vấn đề an toàn lao động ra trước công luận, và thúc giục chính phủ hành động. Phóng viên xuống cả các mỏ quốc doanh lớn cũng như các mỏ quy mô nhỏ của làng xã hay thị trấn có tai nạn nghiêm trọng, nhưng thường bị các nhà quản lý mỏ gây khó khăn cho việc điều tra. Thí dụ, nhà cầm quyền cấm công nhân tiếp xúc với báo chí, không cho phóng viên gặp những người quản lý mỏ sau khi tai nạn nghiêm trọng xảy ra ở một mỏ than tại Quý Châu tháng 2/2003. Nhà chức trách còn đuổi phóng viên ra khỏi bệnh viện lúc nhà báo tìm cách chuyện trò với công nhân mỏ bị thương. Thậm chí công đoàn cũng ít can thiệp để bảo vệ lợi ích của công nhân.

Tại nhiều mỏ than quốc doanh, khẩu hiệu tiết kiệm trong sản xuất được thực

hiện bằng cách cắt giảm chi phí, thiết bị cũ kỹ không được thay thế, khiến an toàn lao động không được đảm bảo, nhất là ở khâu thông gió cho hầm lò. Nhiều công nhân có kinh nghiệm lại chuyển đi nơi khác, nên lực lượng lao động được bổ sung bằng người mới ở các làng mạc, chưa ý thức được vấn đề an toàn trong sản xuất.

Những năm gần đây, việc khai thác mỏ than thường cho tư nhân thuê, trách nhiệm về an toàn lao động bị dồn đẩy giữa cơ quan quản lý mỏ và bên nhận thuê, chẳng bên nào chịu chi tiền cho các thiết bị an toàn. Thêm vào đó là việc mở những hầm lò nhỏ, một phần để mở rộng sản xuất một cách rẻ tiền mà không phải đầu tư mới, một phần để cung cấp việc làm cho những công nhân bị doanh nghiệp khác cho nghỉ việc. Những hầm lò nhỏ đó thường là nơi xảy ra tai nạn nghiêm trọng như 54 người thiệt mạng hồi tháng 5/2001 tại tỉnh Hắc Long Giang. Sau khi chính phủ quyết định đóng cửa các cơ sở sản xuất này, 739 hầm lò nhỏ phải ngừng hoạt động năm 2001, phần lớn ở Sơn Tây và Hắc Long Giang.

Ở Trung Quốc trong những thời kỳ kinh tế phát đạt, cả các mỏ than quốc doanh và các mỏ quy mô nhỏ của làng xã hay thị trấn đều cố gắng tăng gia sản xuất, công nhân làm thêm ca để hưởng tiền thưởng. Trong hoàn cảnh đó, vấn đề an toàn không được coi trọng. So với các mỏ quốc doanh lớn, điều kiện lao động tại các mỏ nhỏ còn tệ hại hơn, ở đó quạt thông gió chỉ được bật lên chốc lát cách nhau từ 20 phút đến nửa giờ, lò cao không được chống đỡ chắc chắn. Một số lớn người làm việc ở các mỏ nhỏ lại là những công nhân không có kinh nghiệm vì mới được chuyển từ nông nghiệp sang, vì thế tỷ lệ tai nạn càng cao.

Năm 1997, Chính phủ phát động một chiến dịch lớn nhằm cải thiện điều kiện an toàn ở các mỏ quy mô nhỏ. Chiến

dịch này vấp phải sự phản kháng của nhà cầm quyền các địa phương và cả công nhân vì nó thách thức phương thức sản xuất với chi phí thấp và thậm chí đe dọa sự tồn tại của các mỏ đó. Cải cách tài chính những năm 1980 khiến chính quyền nhiều địa phương phải phụ thuộc vào thu nhập từ các mỏ quy mô nhỏ để cân bằng thu chi. Nhiều cán bộ cấp huyện và xã còn cho phép mở lại các mỏ một cách bất hợp pháp, hay cấp giấy phép cho những mỏ không đủ tiêu chuẩn.

Về hình thức, thì các mỏ thuộc quyền sở hữu tập thể, nhưng trong thực tế, ranh giới giữa sở hữu tập thể với sở hữu cá nhân rất mờ nhạt. Nhiều chủ sở hữu tư nhân là cựu quan chức hoặc người nhà họ, nhiều quan chức cấp tỉnh hoặc huyện có cổ phần trong các mỏ bất hợp pháp. Thí dụ, người đầu tư lớn nhất trong một mỏ than tỉnh Sơn Tây, nơi xảy ra một tai nạn nghiêm trọng hồi tháng 3/2003, là một người có trách nhiệm ở ngành than của tỉnh. Trước đây, ông ta đã được lệnh đóng cửa mỏ, nhưng mỏ vẫn hoạt động cho đến lúc xảy ra tai nạn. Chủ mỏ nghĩ đến tiền, không đếm xỉa tới tính mạng người lao động. Ở mỏ than nói trên, trước lúc xảy ra vụ nổ khí một tiếng đồng hồ, công nhân đã định rời khỏi nơi làm việc vì ngửi thấy mùi khí, nhưng họ bị chủ mỏ bắt buộc quay trở lại.

Vì miếng cơm manh áo, nhiều công nhân mỏ quy mô nhỏ không xem trọng vấn đề an toàn lao động. Công nhân phần nào bị đồng lương cao hấp dẫn và, do đội quân lao động dự trữ quá đông đảo sẵn sàng nhảy vào thay thế, họ sợ mất việc nên không đòi hỏi điều kiện an toàn. Nhà nông cũng thích làm việc trong điều kiện công nghiệp hơn chịu nắng mưa trên đồng ruộng. Trong hoàn cảnh đó, công nhân mỏ chấp nhận tiếp tục làm việc sau khi tai nạn xảy ra vì chẳng có cách lựa chọn nào khác. Khi

Chính phủ quyết định đóng cửa một số mỏ vì an toàn lao động, cả công nhân và nông dân địa phương đều la ó phản đối. Năm 2002, nhiều cuộc biểu tình ngòi của công nhân mỏ than diễn ra ở tỉnh Sơn Tây để phản đối đóng cửa mỏ. Đứng trước làn sóng phản đối, Chính phủ gặp khó khăn khi muốn đóng cửa những mỏ không an toàn. Khó khăn tăng thêm khi giá than bắt đầu phục hồi từ tháng 4/2000, nhiều mỏ nhỏ bị lợi nhuận kích thích mở lại một cách bất hợp pháp.

Tham nhũng và hối lộ cũng là nguyên nhân gây khó khăn trong việc thực hiện an toàn lao động ở mỏ than. Tại một thị trấn ở tỉnh Hà Bắc, chính quyền địa phương nhận tiền hối lộ để cho phép các mỏ hoạt động lén lút. Ban ngày, than được khai thác và để sẵn dưới mỏ, ban đêm được chuyển lên mặt đất và được xe tải chở đến bãi than. Những vụ dút lút đó chỉ bị phanh phui sau khi tai nạn xảy ra, như trường hợp những người quản lý một công ty mỏ than đã nhận một món tiền lớn cho phép người thầu khai thác một mỏ thiếu an toàn, làm thiệt mạng 48 công nhân năm 2001.

Tháng 12/2000, một tai nạn lớn xảy ra ở một mỏ than nhỏ tại Quý Châu. Mỏ này đã bị đóng cửa trước đó, nhưng nhà chức trách thị trấn sở tại cho phép mở lại để lấy than cung cấp cho nhu cầu địa phương, mặc dù chính quyền cấp trên ở huyện chưa đồng ý. Tháng 9 và tháng 11 năm đó, cán bộ thanh tra của huyện thấy những yêu cầu về an toàn bị vi phạm, lại bắt đóng cửa mỏ, nhưng mỏ vẫn tiếp tục hoạt động đến lúc xảy ra tai nạn. Như thế là lệnh đóng cửa các mỏ thiếu an toàn không được thi hành.

Nhà nước không có khả năng đóng cửa các mỏ thiếu an toàn nên tỷ lệ tử vong vẫn cao. Khoảng 22% số tai nạn chết người năm 1998 xảy ra ở các mỏ than bất hợp pháp. Riêng ở Quý Châu, 32% số tai nạn và 42% số tử vong ở các

mỏ than quy mô nhỏ, trong 10 tháng đầu năm 2001, xảy ra tại các mỏ bất hợp pháp. Như vậy, điều kiện lao động ở Trung Quốc phản ánh các tiến lệ trên thế giới từ thời kỳ tiền công nghiệp đến giai đoạn của chủ nghĩa tư bản sau đại chiến thế giới thứ 2. Trong cuốn sách nhan đề *Tử vong do tai nạn ở các mỏ than tại Bỉ thế kỷ XIX-XX*, nhà nghiên cứu René Leboutte chia các tai nạn mỏ than thành ba giai đoạn¹: Giai đoạn tiền công nghiệp không có cơ giới hóa, công việc rải rác và tai nạn nói chung không lớn; Giai đoạn công nghiệp hóa, qui mô công nghiệp tăng lên và nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lớn hơn, giai đoạn cơ khí hóa có những biện pháp an toàn hữu hiệu hơn và máy móc đảm nhiệm nhiều công việc nguy hiểm, tai nạn giảm bớt. Trung Quốc trải qua cả ba giai đoạn đó cùng một lúc: Từ các hầm lò nhỏ tư nhân ở các làng mạc, qua những mỏ địa phương do làng xã hay thị trấn quản lý, đến các mỏ quốc doanh lớn, tiêu biểu cho giai đoạn "cơ khí hóa"². Nhu cầu về than đòi hỏi các mỏ quốc doanh phải làm việc hết sức căng thẳng, khiến nhiều địa phương phải phục hồi hoạt động của các mỏ nhỏ, tuy chính phủ trung ương không cho phép khai thác những mỏ thiếu an toàn. Mặt khác, còn phải đợi kinh tế Trung Quốc phát triển đến giai đoạn có thể cung cấp cho hàng triệu người lao động nông thôn một mức sống khả quan để họ không phải liều hy sinh tính mạng ở các mỏ lạc hậu và nguy hiểm. Đến lúc đó, mọi người mới hy vọng tai nạn hàng năm giảm dần.

Tài liệu tham khảo

1. China Quarterly. Sept 2004.
2. Revue du Nord. Vol. 73, No 293 (1991).
3. China Information. Vol. 14, No. 1 (2000).

¹ René Leboutte. Mortalité par accident dans les mines de charbon en Belgique aux XIX-XX siècles. Revue du Nord. Vol 73, No 293 (1991).

² China Quartely, Sept 2004.